

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIKOLAND**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG QUỐC TẾ VIKOLAND

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VIKOLAND INTERNATIONAL  
CONSTRUCTION INVESTMENT JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt:

**2. Mã số doanh nghiệp:** 0110900370

**3. Ngày thành lập:** 27/11/2024

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

Sao Biển 1 - SP 01-33 Khu Đô Thị Vinhomes Ocean Park 1, Xã Dương Xá, Huyện Gia Lâm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam

Điện thoại: 0984871186

Fax:

Email: [info.vikogroup@gmail.com](mailto:info.vikogroup@gmail.com)

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                                             | Mã ngành |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|----------|
| 1.  | Xây dựng nhà để ở                                                                                                     | 4101     |
| 2.  | Xây dựng nhà không để ở                                                                                               | 4102     |
| 3.  | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                         | 4211     |
| 4.  | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                          | 4212     |
| 5.  | Xây dựng công trình điện                                                                                              | 4221     |
| 6.  | Xây dựng công trình cấp, thoát nước                                                                                   | 4222     |
| 7.  | Xây dựng công trình viễn thông, thông tin liên lạc                                                                    | 4223     |
| 8.  | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                     | 4229     |
| 9.  | Xây dựng công trình thủy                                                                                              | 4291     |
| 10. | Xây dựng công trình khai khoáng                                                                                       | 4292     |
| 11. | Xây dựng công trình chế biến, chế tạo                                                                                 | 4293     |
| 12. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                            | 4299     |
| 13. | Phá dỡ<br>(Không gồm dịch vụ nổ mìn; hoạt động rà phá bom, mìn)                                                       | 4311     |
| 14. | Chuẩn bị mặt bằng<br>(không bao gồm nổ mìn, dò mìn và các loại tương tự bao gồm cả việc cho nổ tại mặt bằng xây dựng) | 4312     |
| 15. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                 | 4321     |
| 16. | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                                                 | 4322     |
| 17. | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                                                        | 4329     |
| 18. | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                                                        | 4330     |

|     |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             |             |
|-----|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 19. | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác<br>(trừ nổ cát)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                         | 4390        |
| 20. | Bán buôn kim loại và quặng kim loại<br>(Trừ kinh doanh vàng miếng, vàng nguyên liệu)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4662        |
| 21. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     | 4663        |
| 22. | Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        | 4752        |
| 23. | Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan<br>Chi tiết: Thiết kế kiến trúc công trình;<br>Thiết kế cơ - điện công trình (không bao gồm công trình đường dây và trạm biến áp);<br>Thiết kế cấp - thoát nước công trình;<br>Thiết kế xây dựng công trình khai thác mỏ;<br>Thiết kế xây dựng công trình giao thông (gồm: đường bộ; cầu - hầm; đường sắt; đường thủy nội địa, hàng hải);<br>Thiết kế xây dựng công trình cấp nước - thoát nước; xử lý chất thải rắn;<br>Thiết kế xây dựng công trình thủy lợi, đê điều | 7110        |
| 24. | Hoạt động thiết kế chuyên dụng                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              | 7410        |
| 25. | Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê<br>Chi tiết: Kinh doanh bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                  | 6810(Chính) |
| 26. | Tư vấn, môi giới, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất<br>(Trừ đấu giá, trừ sàn giao dịch bất động sản, trừ tư vấn pháp luật bất động sản)<br>Chi tiết: Dịch vụ môi giới bất động sản<br>Dịch vụ tư vấn, dịch vụ quản lý bất động sản                                                                                                                                                                                                                                                                            | 6820        |
| 27. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đâu<br>Chi tiết: Xuất nhập khẩu các mặt hàng Công ty kinh doanh; loại trừ hoạt động đấu giá                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | 8299        |

**6. Vốn điều lệ:** 5.000.000.000 VNĐ

Mệnh giá cổ phần:

**7. Số cổ phần được quyền chào bán:** 500.000

**8. Cổ đông sáng lập:**

| STT | Tên cổ đông                                                              | Địa chỉ liên lạc<br>đối với cá nhân;<br>địa chỉ trụ sở<br>chính đối với tổ<br>chức                | Loại cổ<br>phần                    | Số cổ<br>phần | Giá trị cổ phần<br>(VNĐ) | Tỷ lệ<br>(%) | Số giấy<br>CMND<br>(hoặc số<br>chứng thực<br>cá nhân<br>khác); Mã<br>số doanh<br>nghiệp; Số<br>quyết định<br>thành lập | Ghi<br>chú |
|-----|--------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------|------------------------------------|---------------|--------------------------|--------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|------------|
| 1   | CÔNG TY CỔ<br>PHẦN ĐẦU<br>TƯ VÀ XUẤT<br>NHẬP KHẨU<br>VIKO HÙNG<br>NGUYỄN | 144 Khuất Duy<br>Tiến, Phường<br>Nhân Chính,<br>Quận Thanh<br>Xuân, Thành phố<br>Hà Nội, Việt Nam | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 200.000       | 2.000.000.000            | 40,000       | 0109742680                                                                                                             |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Tổng số                            | 200.000       | 2.000.000.000            | 40,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |
| 2   | NGÔ VĂN<br>HÙNG                                                          | Thôn Thanh Hoa,<br>Xã Nghĩa Hội,<br>Huyện Nghĩa<br>Đàn, Tỉnh Nghệ<br>An, Việt Nam                 | Cổ phần<br>phổ<br>thông            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       | 0400870423<br>22                                                                                                       |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>biểu<br>quyết | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>cổ tức        | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Cổ phần<br>ưu đãi<br>hoàn lại      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Các cổ<br>phần ưu<br>đãi khác      | 0             | 0                        | 0,000        |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   | Tổng số                            | 250.000       | 2.500.000.000            | 50,000       |                                                                                                                        |            |
|     |                                                                          |                                                                                                   |                                    |               |                          |              |                                                                                                                        |            |

|   |                |                                                                      |                           |        |             |        |              |
|---|----------------|----------------------------------------------------------------------|---------------------------|--------|-------------|--------|--------------|
| 3 | PHẠM TRUNG BẮC | Thôn An Bình, Xã Lô Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam | Cổ phần phổ thông         | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 | 034090011373 |
|   |                |                                                                      | Cổ phần ưu đãi biểu quyết | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Cổ phần ưu đãi cổ tức     | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Cổ phần ưu đãi hoàn lại   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Các cổ phần ưu đãi khác   | 0      | 0           | 0,000  |              |
|   |                |                                                                      | Tổng số                   | 50.000 | 500.000.000 | 10,000 |              |
|   |                |                                                                      |                           |        |             |        |              |

### 9. Cổ đông là nhà đầu tư nước ngoài:

| STT | Tên cổ đông | Chỗ ở hiện tại đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức | Loại cổ phần | Số cổ phần | Giá trị cổ phần (VNĐ; giá trị tương đương bằng tiền nước ngoài, nếu có) | Tỷ lệ (%) | Số hộ chiếu đối với cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Quyết định thành lập đối với tổ chức | Ghi chú |
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
|-----|-------------|----------------------------------------------------------------------|--------------|------------|-------------------------------------------------------------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|

**10. Người đại diện theo pháp luật:**

\* Ho và tên: PHAM TRUNG BẮC

Giới tính: *Nam*

Chức danh: *Giám đốc*

Sinh ngày: 22/01/1990

Dân tộc: *Kinh*

Quốc tịch: *Việt Nam*

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: *Thẻ căn cước công dân*

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 034090011373

Ngày cấp: 04/09/2022

Nơi cấp: *Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội*

Địa chỉ thường trú: *Thôn An Bình, Xã Lô Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

Địa chỉ liên lạc: *Thôn An Bình, Xã Lô Giang, Huyện Đông Hưng, Tỉnh Thái Bình, Việt Nam*

**11. Nơi đăng ký:** Phòng Đăng ký kinh doanh Thành phố Hà Nội